TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH** Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST Ngày 15-8-2024 V/v ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Hoa.

2. Ông Trần Tấn Phát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Thảo Vy là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 389/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Ngọc P, sinh năm 1969; nơi cư trú: khu phố H, phường T, thị xã H1, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Tô M, sinh năm 1958; nơi cư trú: khu phố x, Phường Y, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2024, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Trương Ngọc P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Tô M có quen biết và sống chung như vợ

chồng vài tháng vào năm 1999, sau đó chia tay, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Từ thời điểm đó đến nay, bà và ông Tô M không có gặp gỡ và liên lạc với nhau. Tuy nhiên, giữa bà và ông Tô M có 01 con chung, bà không thể làm giấy xác nhận độc thân được nên nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông M.

Về con chung: có 01 con chung là Tô Phúc K, sinh ngày 23/10/1999. Con chung đã trưởng thành, bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản: Bà và ông Tô M không có tài sản chung. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

Nợ chung: Bà và ông Tô M không có nợ chung.

Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Tô M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trương Ngọc P có quen biết và sống chung như vợ chồng vài tháng vào năm 1999, sau đó chia tay, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Từ thời điểm đó đến nay, ông và bà P không có gặp gỡ và liên lạc với nhau. Tuy nhiên, giữa ông và bà P có 01 con chung, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà P với ông, ông cũng đồng ý yêu cầu của bà P, yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà P.

Về con chung: có 01 con chung là Tô Phúc K, sinh ngày 23/10/1999. Con chung đã trưởng thành, ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản: Ông và bà P không có tài sản chung. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

Nợ chung: Ông và bà P không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà P và ông M là vợ chồng

+ Về con chung: Con chung là Tô Phúc K, sinh ngày 23/10/1999 đã trưởng thành, bà P và ông M không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về tài sản: Ghi nhận bà P và ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

+ Nợ chung: Ghi nhận bà P và ông M trình bày không có.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà P là nguyên đơn, vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông M là bị đơn, vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, theo khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông M; ông M cư trú tại thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông M chung sống năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông M không hợp pháp. Nay bà P có yêu cầu ly hôn nên căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận bà Trương Ngọc P và ông Tô M là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà P và ông M có 01 con chung là Tô Phúc K, sinh ngày 23/10/1999. Con chung đã trưởng thành, bà P và ông M không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về tài sản: Bà P và ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà P là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; ông M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố không công nhận bà Trương Ngọc P và ông Tô M là vợ chồng.

2. Về con chung:

Con chung là Tô Phúc K, sinh ngày 23/10/1999 đã trưởng thành, bà Trương Ngọc P và ông Tô M không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản:

Ghi nhận bà Trương Ngọc P và ông Tô M không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

4. Về án phí:

Bà Trương Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003089 ngày 11/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Bà Trương Ngọc P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;*
- *VKSND thành phố Tây Ninh;*
- *Chi cục THADS thành phố Tây Ninh;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Thanh Hằng